| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KỲ ANH**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 31/2018/QĐST-HNGĐ | *Kỳ Anh, ngày 6 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T

Sinh ngày: 13 – 01 – 1991

Địa chỉ cư trú: Xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C

Sinh ngày: 25 – 12 – 1987

Địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung

Họ và tên: Nguyễn Thị Ly N – Sinh ngày: 11 – 9 – 2009

Giao con chung Nguyễn Thị Ly N cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án

có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Anh Nguyễn Văn C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị T.

Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

*Về tài sản chung*: Cả chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, chị Phạm Thị T thỏa thuận nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng đ□ợc khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005179 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Phạm Thị T được hoàn trả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự (Chị T, anh C);
- VKS huyện Kỳ Anh;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Ngọc Tùng**